

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **28/2024/HS-ST**
Ngày 29/3/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Hồng Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Thanh Uyên và ông Nguyễn Danh Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Thu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương và Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên tòa công khai xét xử trực tuyến sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 25/2024/TLST-HS ngày 15/03/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/HSST- QĐ ngày 18/3/2024 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Văn T., sinh ngày 29/6/2002 tại huyện S., tỉnh Tuyên Quang; Nơi cư trú: Thôn B, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Sán Dìu; Con ông Hoàng Văn V. (đã chết) và bà Hoàng Thị T, sinh năm 1975; vợ con: Chưa có; Anh chị em ruột: Có 02 người, bị cáo là con thứ hai; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/01/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

2. Đàm Văn Th., sinh ngày 19/10/2001 tại huyện S., tỉnh Tuyên Quang; Nơi cư trú: Thôn N, xã H., huyện S., tỉnh Tuyên Quang; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Tày; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Đàm Văn B, sinh năm 1966 và bà Vũ Thị H, sinh năm 1974; Vợ, con: chưa có; Anh chị em ruột: Có 03 người, bị can là con thứ ba; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 12/02/2020, Công an huyện S. ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Đàm Văn Th. về hành vi tàng trữ hàng cấm. Ngày 18/02/2020, bị cáo đã chấp hành xong.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/01/2024 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

- Bị hại: Anh Đoàn Đình L., sinh năm 2001; Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện S., tỉnh Tuyên Quang. (có mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Lưu Văn H., sinh năm 1995; Địa chỉ: Thôn G, xã Tr, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Các bị cáo Hoàng Văn T. và Đàm Văn Th. do không có việc làm ổn định, không có tiền chi tiêu, nên nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản, các bị cáo thống nhất bàn bạc với nhau là tìm những người bạn có xe mô tô hỏi mượn sau đó đem đi cầm cố lấy tiền.

Khoảng 17 giờ ngày 03/01/2024, các bị cáo đến quán internet TH, thuộc Thôn B, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang để chơi game. Khi đang ngồi chơi thì có anh Đoàn Đình L. điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda LEAD, màu đỏ, biển số đăng ký 22S1 - 475.20 đến quán. Bị cáo T. hỏi mượn xe của anh L. nhưng anh L. có việc đi ra ngoài nên không mượn được.

Đến khoảng 21 giờ 00 phút cùng ngày, thấy anh L. điều khiển xe mô tô trên quay lại quán, T. nhắn tin qua ứng dụng Messenger cho L. hỏi mượn xe mô tô để về thay quần áo, anh L. đồng ý. Sau khi mượn được xe T. nói với Th. “*mượn được xe rồi, giờ anh em mình mang đi cầm*”, Th. đồng ý và nói “*mang xuống Vĩnh Phúc cầm*”. Cả hai đi xe mô tô đến quán trà đá của anh Lưu Văn H. ở khu công nghiệp B, thuộc xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc để cầm xe nhưng H. không đồng ý cho cầm. Sau đó hai bên cùng nhau thỏa thuận bán xe mô tô với số tiền 18.000.000 đồng nhưng trả tiền nhiều lần. Lúc này, Th. mở cốp xe ra thì thấy có giấy đăng ký xe mô tô nên cất vào túi quần, Th. đưa căn cước công dân của Th. để H. và Th. viết giấy tờ mua bán xe là 8.000.000 đồng, H. chuyển 7.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng của T. và đưa tiền mặt 1.000.000 đồng cho T.. Số tiền trên các bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 04/01/2024 các bị cáo T. và Th. quay lại quán gặp anh H. đưa cho H. giấy đăng ký xe mô tô HONDA LEAD của L. để lấy thêm tiền, H. đồng ý và chuyển cho T. thêm 8.000.000 đồng, T. và Th. đã chi tiêu hết tiền. Ngày 05/01/2024 Th. đến gặp H. lấy thêm số tiền 2.000.000 đồng và đã chi tiêu hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 01/KL - HĐĐGTSTTHS ngày 11/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện S., kết luận: Giá trị chiếc xe mô tô HONDA LEAD, biển kiểm soát đăng ký 22S1- 475.20 của Đoàn Đình L. tại thời điểm bị chiếm đoạt ngày 03/01/2024 là 40.500.000 đồng (*Bốn mươi triệu năm trăm nghìn đồng*).

Từ nội dung trên, tại bản Cáo trạng số 28/CT-VKSSD ngày 13 tháng 3 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang đã truy tố các bị

cáo Hoàng Văn T., Đàm Văn Th. về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn T., Đàm Văn Th. phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38, 58 - Bộ luật Hình sự; Xử phạt các bị cáo Hoàng Văn T., Đàm Văn Th. mỗi bị cáo từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù; thời hạn tù T. từ ngày bị bắt tạm giam.

Về dân sự, áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 357, 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự. Các bị cáo có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Lưu Văn H. số tiền 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng) chia ra mỗi người có nghĩa vụ trả một nửa.

Ngoài ra, Đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo, buộc bị cáo T. phải chịu án phí và miễn nộp khoản tiền án phí cho bị cáo Th. theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung cáo trạng truy tố đối với bị cáo; các bị cáo nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, không có ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến gì để bào chữa cho hành vi phạm tội của mình, nhất trí hoàn trả lại số tiền mua bán xe cho anh Lưu Văn H.. Khi nói lời sau cùng các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

Bị hại anh Đoàn Đình L. khai tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa thể hiện: Tội ngày 03/01/2024, anh bị Hoàng Văn T. lừa mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda LEAD, màu đỏ, biển số đăng ký 22S1 - 475.20 của anh bảo về lấy áo rét xong mang xe đi bán. Anh đã nhiều lần yêu cầu T. trả xe nhưng T. nói dối xe bị Công an bắt rồi lại bảo đã mang cấm xe. Đến ngày 07/01/2024 vẫn không thấy T. mang xe về trả nên anh đến cơ quan Công an xã Sơn Nam trình báo. Hiện anh đã lấy lại xe mô tô, anh không có yêu cầu gì về dân sự, về hành vi của các bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Anh Lưu Văn H. khai tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa thể hiện: Tội ngày 03/01/2024, các bị cáo Đàm Văn Th. và Hoàng Văn T. điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda LEAD, màu đỏ, biển số đăng ký 22S1 - 475.20 đến quán bán hàng nước giải khát của anh đặt vấn đề bán xe. Sau khi thỏa thuận hai bên thống nhất giá mua bán xe là 18.000.000 đồng, đưa trước 8.000.000 đồng, khi nào đưa giấy tờ thì trả nốt số còn lại. Việc mua bán có làm giấy tờ do Th. viết và ký. Ngày 04/01/2024, Th. và T. quay lại đưa giấy đăng ký xe và anh chuyển khoản tiếp số tiền 8.000.000 đồng. Ngày 05/01/2024, một mình Th. quay lại lấy nốt số tiền 2.000.000 đồng. Đến ngày

11/01/2024 sau khi anh được biết xe do các bị cáo phạm tội mà có nên đã tự nguyện giao xe cho Cơ quan Công an để giải quyết. Nay anh yêu cầu các bị cáo T. và Th. trả lại anh số tiền 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo Hoàng Văn T. và Đàm Văn Th. tiếp tục khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và cáo trạng truy tố đối với các bị cáo. Hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh qua biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 03/01/2024, tại Thôn B, xã S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, các bị cáo Hoàng Văn T. và Đàm Văn Th. đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt xe mô tô Honda Lead màu son đỏ, biển số đăng ký 22S1- 475.20 trị giá 40.500.000 đồng (*Bốn mươi triệu năm trăm nghìn đồng*) của anh Đoàn Đình L..

Các bị cáo là người có năng lực hành vi dân sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và đã có hành vi lừa anh L. để lấy xe mô tô mang đi bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Hành vi của các bị cáo được thực hiện dưới hình thức lừa dối trực tiếp. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương truy tố bị cáo Hoàng Văn T., Đàm Văn Th. về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật và có cơ sở, cần chấp nhận.

[2]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Hoàng Văn T., Đàm Văn Th. không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Hoàng Văn T., Đàm Văn Th. trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho bị cáo để lên mức án cho phù hợp.

[3]. Về mức án đối với bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân và gây mất an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương, gây dư luận xấu trong nhân dân, giá trị tài sản tương đối lớn. Trong vụ án này các bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, không có tổ chức; trong đó bị cáo T. là người trực tiếp thực hiện hành vi nên giữ vai trò chính, bị cáo Th. là người thực hành tích cực và có nhân thân xấu, đã

bị xử phạt hành chính về hành vi tàng trữ hàng cấm nên các bị cáo phải chịu mức án ngang nhau. Do vậy, cần phải có mức án nghiêm khắc, áp dụng hình phạt tù có thời hạn nhất định mới cải tạo giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa tội phạm chung.

Căn cứ T. chất, mức độ nguy hiểm trong hành vi phạm tội của các bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo, xét mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên HĐXX chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo là lao động tự do, không có tài sản có giá trị nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (*phạt tiền*) đối với các bị cáo.

[4]. Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra tạm giữ 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Honda Lead màu sơn đỏ, biển số đăng ký 22S1- 475.20 và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô. Ngày 22/01/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện S. đã trả lại xe cho chủ sở hữu hợp pháp nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về trách nhiệm dân sự:

Anh Đoàn Đình L. đã nhận lại được tài sản và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét.

Anh Lưu Văn H. yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền mua xe mô tô 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng). Tại phiên tòa các bị cáo đồng ý hoàn trả lại số tiền mua xe theo yêu cầu của anh H.. Việc các bị cáo đồng ý hoàn trả lại tiền là tự nguyện, không bị ép buộc nên HĐXX ghi nhận, cụ thể: Các bị cáo Hoàng Văn T., Đàm Văn Th. có nghĩa vụ trả cho anh Lưu Văn H. số tiền 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng), chia ra mỗi bị cáo có nghĩa vụ trả $\frac{1}{2}$ là 9.000.000 đồng (chín triệu đồng).

Trường hợp các bị cáo chậm trả tiền thì còn phải chịu lãi suất của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự

[6]. Về các vấn đề khác:

Đối với anh Lưu Văn H. có hành vi mua xe mô tô Honda Lead trên nhưng không biết tài sản do các bị cáo Hoàng Văn T., Đàm Văn Th. phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S., Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; tại phiên tòa, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[8]. Về án phí:

Bị cáo Hoàng Văn T. phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Đàm Văn Th. là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn nộp khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[9]. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 174, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, 58 - Bộ luật Hình sự:

- Tuyên bố: Các bị cáo Hoàng Văn T. và Đàm Văn Th. phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Xử phạt bị cáo: **Hoàng Văn T.** 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù T. từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (13/01/2024).

- Xử phạt bị cáo: **Đàm Văn Th.** 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù T. từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (13/01/2024).

2. Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 357, 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự.

Các bị cáo Hoàng Văn T. và Đàm Văn Th. có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Lưu Văn H. số tiền 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng). Chia ra, bị cáo Hoàng Văn T. có nghĩa vụ trả 9.000.000 đồng, bị cáo Đàm Văn Th. có nghĩa vụ trả 9.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh H. có đơn đề nghị thi hành án. Nếu các bị cáo chậm trả tiền thì còn phải chịu lãi suất của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự

3. Căn cứ vào: Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Về án phí: Bị cáo Hoàng Văn T. phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, 450.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, tổng cộng 650.000 đồng (Sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Miễn nộp khoản tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo Đàm Văn Th..

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, anh L., anh H. được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TQ;
- VKS ND tỉnh TQ;
- VKS ND huyện SD;
- Cơ quan CSĐT CA huyện SD;
- Chi cục THADS huyện SD;
- Trại tạm giam Công an tỉnh TQ;
- UBND xã S, huyện SD;
- UBND xã H., huyện SD;
- Bị cáo;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Hồng Chiến